

TỔ CHỨC DẠY HỌC NGŨ VĂN THEO HƯỚNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

Lê Văn Bồn - Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum

Ngày nhận bài: 13/5/2019; ngày chỉnh sửa: 01/8/2019; ngày duyệt đăng: 04/10/2019.

Abstracts: Developing for students the necessary competencies in the training process is a common task of colleges and universities. At Kontum Community College, teaching subjects in Literature towards improving competencies for students is always concerned. In this activity, lecturers and professional groups play a decisive role and organize teaching, testing and evaluation activities as important links. Effective implementation of this content will meet the goals, contributing to improving the training quality of the College.

Keywords: Organize teaching, Literature, competency, testing.

1. Mở đầu

Quan điểm đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đang được thực hiện và đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận. Thực tiễn xã hội và giáo dục đòi hỏi trong quá trình dạy học, các bộ môn cần chú trọng việc hình thành năng lực cho người học. Có như vậy, sản phẩm đào tạo mới đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống.

Các trường cao đẳng, đại học nói chung, khối các trường sư phạm nói riêng luôn xem trọng việc hình thành năng lực cho sinh viên (SV). Có nhiều phương thức để hình thành năng lực cho SV nhưng có thể khẳng định việc xác lập cơ chế, tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá trong dạy học là một trong những biện pháp hữu hiệu.

Bài viết đề cập đến những vấn đề cơ bản về tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá các học phần thuộc môn Ngữ văn theo hướng hình thành năng lực cho SV Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực và dạy học theo hướng hình thành năng lực

Nguyễn Văn Cường và Bend Meier đã nêu ra cách tiếp cận như sau: "*Năng lực là khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề trong những tình huống khác nhau thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động*" [1; tr 43]. Bên cạnh đó, một số tác giả thuộc chuyên ngành Tâm lý - Giáo dục học cũng đều đề cập đến cách hiểu về năng lực và con đường hình thành năng lực. Mặc dù các tác giả có những nhận định khác nhau nhưng họ đều thống nhất *năng lực* là phải nói đến khả năng thực hiện, *biết làm* trên cơ sở *hiểu nội dung*.

Từ khái luận trên, chúng ta có thể hiểu năng lực là khả năng làm chủ hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ và vận hành chúng một cách hợp lý vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống.

Để thực hiện tốt việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho người học, giảng viên (GV) cần nắm và tuân thủ một số đặc trưng cơ bản sau để cụ thể hóa vào thực tiễn dạy học của mình. *Trước hết*, hoạt động dạy học phải thông qua tổ chức các hoạt động học tập của SV, trong đó chú trọng rèn luyện phương pháp tự học. *Thứ hai*, trong quá trình giảng dạy cần tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác. *Thứ ba*, GV phải thường xuyên kết hợp đánh giá của mình với tự đánh giá của SV. Cuối cùng, để tổ chức có hiệu quả việc dạy học theo hướng hình thành năng lực cho SV, GV cần xác định đúng vai trò tổ chức, thiết kế các hoạt động của mình và sử dụng một số phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy. Tùy nội dung kiến thức, kỹ năng và đối tượng SV mà sử dụng một cách linh hoạt, thích hợp.

2.2. Tổ chức dạy - học Ngữ văn theo hướng hình thành năng lực cho sinh viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum

Dạy học các học phần thuộc môn Ngữ văn tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, ngoài việc xây dựng chương trình, đề cương chi tiết, tổ chuyên môn và GV, SV cần phối kết hợp thực hiện những nội dung sau:

2.2.1. Đối với tổ chuyên môn

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề, xác định cách dạy các dạng, kiểu bài (khái quát). Tổ, nhóm tập trung thảo luận, trình bày và xây dựng bài giảng thí điểm, thực nghiệm. Tổ chuyên môn cử một hay nhiều GV dạy (có thể minh họa trong 1 tiết, 30 hay 15 phút tùy nội dung và phương pháp dạy học) để tìm ra mô hình dạy học thích hợp. Mô hình nào hiệu quả sẽ được lựa chọn và thống nhất, sau đó vận dụng linh hoạt, sáng tạo theo từng đối tượng người học.

- Thảo luận, dạy thí điểm và thống nhất hình thức tổ chức lớp học, phương pháp, biện pháp đặc thù của bộ

môn. Tập trung chú ý đến việc phối kết hợp sử dụng trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ; sự tương tác giữa GV và SV, SV với SV, SV với giáo trình, tài liệu... Việc bố trí các nhóm thảo luận, góc nghe, nhìn sao cho hài hòa, hiệu quả để tất cả SV đều cùng tư duy, hoạt động.

- Thường xuyên trao đổi về cách tổ chức triển khai các hoạt động trên lớp; cách thảo luận nhóm, giao việc cho SV tự học, tự nghiên cứu, kiểm tra việc chuẩn bị bài của SV.

- Xây dựng được quy trình dạy các kiểu, dạng bài, cách tổ chức các hoạt động tìm hiểu, tiếp nhận, vận dụng kiến thức, kỹ năng; từ đó, GV vận dụng, tùy biến cho thích ứng.

2.2.2. Đối với giảng viên

Trong quá trình dạy học, GV chú ý từ khâu thiết kế bài giảng, việc tổ chức triển khai bài dạy trên lớp. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, dạy học Ngữ văn ngoài đặc thù bộ môn, cần quan tâm đến tiếp nhận đồng bộ và cá biệt hóa. GV phải tính toán sao để toàn bộ nội dung kiến thức học phần SV phải tiếp nhận được, đáp ứng mục tiêu bài dạy - *đồng bộ hóa*; bên cạnh đó, cần có sự phân hóa giữa SV với nhau - mức tiếp nhận, vận dụng khác nhau - *cá biệt hóa*. Muốn vậy, không có con đường nào khác mà là việc tổ chức và định hướng của GV trên lớp phải sao cho hợp lí. Để làm tốt việc này, đơn vị và cá nhân GV cần thực hiện hết vai trò, nhiệm vụ của mình ở những nội dung sau:

- GV phải dự kiến được kiến thức, kỹ năng, thái độ cần trang bị cho SV trong học phần, bài dạy để các em có được những năng lực cần thiết sau khi học xong. Phải xác định được nội dung nào cơ bản, trọng tâm để đào sâu, giảng kỹ, phần nào SV phải tự học, tự rèn. Điều này sẽ chỉ phối đến việc phân bổ thời gian dạy học trong học phần, từng bài dạy, đơn vị kiến thức. GV không ôm đồm kiến thức, cố mang hết những điều mình biết để thuyết giảng cho SV.

- Mỗi GV phải luôn trăn trở, tìm hiểu về việc đổi mới phương pháp dạy học đối với bộ môn mình đảm trách. Có thể đúc kết qua nhiều năm, nhiều lớp dạy, đối tượng SV để đề xuất cách tối ưu; sau đó bàn bạc, trao đổi với tổ, nhóm.

- GV luôn dạy kiến thức cơ bản gắn với việc định hướng nghề cho SV. Việc này không dồn đẩy cho GV dạy các học phần phương pháp dạy học mà là sự phối hợp, tích hợp trong điều kiện có thể. Phải hướng dẫn cho SV biết nội dung kiến thức, kỹ năng đang dạy sẽ vận dụng vào phần nào ở chương trình mầm non, tiểu học, trung học cơ sở...

- Phải nắm chắc được lí luận và tổ chức triển khai được việc dạy học hiện đại:

+ Dạy học hiện đại là phương pháp học của trò. Cấu trúc của một tiết dạy học bao gồm các nhân tố: thầy, trò, đơn vị kiến thức, kỹ năng,... cần trang bị và mối liên hệ giữa các nhân tố ấy.

+ Sử dụng hình thức giao tiếp, đối thoại, tranh luận của SV chứ không sử dụng hình thức độc thoại của thầy. Dạy học trên lớp cũng là một hình thái vận động, một quá trình hình thành và phát triển của tư duy và nhận thức của SV, SV tự nhận ra kiến thức, kỹ năng,... luôn hướng đến dạy học tích cực.

2.2.3. Tổ chức triển khai kiến thức, kỹ năng

GV chú ý các điểm nhấn sau:

+ Trước hết, GV có thể thực hiện việc giới thiệu bài học trực tiếp hoặc gián tiếp. GV có thể nêu khái quát, cơ bản về giá trị, tính thời sự của đơn vị kiến thức; giới thiệu những tư liệu khác nhau hoặc những tranh ảnh minh họa và thiết bị, kỹ thuật hỗ trợ quá trình dạy học (bảng hình, các tư liệu, nhiều giáo trình, videoclip,...); tổ chức cho SV đọc tài liệu (kiểm tra việc đọc ở nhà, chuẩn bị bài) và tìm hiểu kiến thức; hướng dẫn SV tìm hiểu kiến thức được quy định trong giáo trình, bài giảng, tài liệu,...; hướng dẫn SV nắm vững các ý quan trọng, then chốt của bài học.

+ GV tổ chức cho SV thảo luận câu hỏi, vấn đề trong bài giảng và các tài liệu liên quan (GV nêu ra để SV suy ngẫm, tìm tòi). GV hướng dẫn SV cách so sánh, đánh giá hoặc tìm hiểu thêm kiến thức bổ trợ.

+ Hướng dẫn SV xác định, chốt các luận điểm quan trọng (tiểu kết) để SV nắm chắc kiến thức, từ đó có thể nhận diện, xác định được kiến thức, kỹ năng chuẩn.

+ GV hướng dẫn SV thực hiện phần luyện tập, vận dụng; tuân thủ theo nội dung được trình bày trong giáo trình và phối kết hợp việc mở rộng kiến thức theo các tài liệu chuyên sâu, nhất là bám sát mục tiêu bài dạy để hướng dẫn, tổ chức cho SV tiếp cận, khai thác kiến thức, kỹ năng hợp lí. Việc ứng dụng này gắn với tình huống mới, thực tiễn đời sống, dạy học phổ thông,...

2.2.4. Tổ chức tổng kết, củng cố kiến thức, kỹ năng

Sử dụng graph hay sơ đồ tư duy, các trò chơi ô chữ, lời giảng cô đọng của GV,... trong dạy học là một việc làm khá thi để tổng kết, củng cố. Thực hiện tốt điều này sẽ phát huy được một số ưu điểm sau đây:

- Từ những ngôn ngữ, hình ảnh và sơ đồ được sử dụng, SV sẽ hiểu bài sâu hơn, nhớ lâu kiến thức, rèn luyện năng lực khái quát, tổng hợp vấn đề,...

- Qua những từ khóa trên các sơ đồ, biểu bảng mà SV tự lập, tự diễn đạt sẽ phát huy được năng lực tiếp thu kiến thức một cách chủ động, sáng tạo, khách quan,...

- Khắc phục được hiện tượng thụ động trong tiếp nhận kiến thức với những biểu hiện như đọc, nhìn slide chép hay SV chép từ những tài liệu có sẵn một cách máy móc. Hiện nay, nhiều SV chưa chủ động tiếp nhận bài nên khi GV yêu

câu phát biểu, trình bày đa số diễn đạt lung củng; khả năng vận dụng kiến thức, thực hành còn yếu. GV thường sử dụng sơ đồ tư duy (các môn khối xã hội thường dùng sơ đồ tư duy theo đề cương tổng quát; sơ đồ tư duy theo chương, đoạn; sơ đồ tư duy theo vấn đề), trò chơi,... trong phần củng cố bài. Do đó, tùy từng bài, nội dung cụ thể mà GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy cho phù hợp, tránh máy móc, lạm dụng làm mất đi đặc trưng bộ môn. Bên cạnh việc sử dụng sơ đồ tư duy, GV có thể thiết lập graph hoặc chọn các cách khác tùy theo đặc trưng tiết dạy (như trò chơi ô chữ,...).

2.2.5. *Giao việc cho sinh viên chuẩn bị, tự học tự rèn ở nhà, tự ghi chép ở lớp*

Trong dạy học theo tín chỉ hiện nay, GV cần yêu cầu SV phải tự học, làm việc trước ở nhà. Trong hoạt động tự học, đối với việc tiếp cận kiến thức, kỹ năng, SV cần phải thực hiện những công việc sau và soạn ra vở trước khi đến lớp:

- Đọc kỹ nội dung bài học, đánh dấu những chỗ còn trần trờ, suy nghĩ khi đọc, ghi nhận xét, ý kiến của cá nhân về nội dung đó. Đọc giáo trình, tài liệu, gạch dưới những ý chính, trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV hoặc câu hỏi trong giáo trình vào vở bài soạn. Nếu SV có thắc mắc thì ghi các câu hỏi để vào lớp trao đổi nhóm hoặc hỏi GV. Mỗi nhóm sẽ tự phân công thành viên sưu tầm tư liệu, hình ảnh hoặc chuẩn bị một nội dung liên quan đến nội dung học, dạy sau này.

- Chuẩn bị sẵn nội dung để tham gia thảo luận, trao đổi, tìm kiến thức chuẩn trong quá trình học trên lớp.

- Có khả năng phản biện vấn đề, tranh luận với bạn bè, trao đổi với GV trên lớp nhằm làm sáng tỏ vấn đề.

Chủ động xây dựng bài, tự ghi chép ở lớp

Trong quá trình giảng dạy, GV cần hướng dẫn SV có ý thức và thói quen tiếp cận, xây dựng nội dung từng phần của bài học; luân phiên để SV trình bày, SV nào cũng có cơ hội thuyết trình, phản biện. Các nhóm khác đánh giá kết quả thảo luận với nhau và đưa ra nhận xét. Sau đó, GV chốt và nhấn mạnh trọng tâm nội dung bài học để SV tự ghi bài. Tuyệt đối GV không đọc chép.

Tổ chức các hoạt động ứng dụng sau khi học

Sau khi học xong bài, GV cần có kế hoạch lồng ghép, tổ chức các hoạt động để SV thực hành vận dụng sau khi học. GV cần quan tâm đến việc phát triển tối đa tài năng và năng lực cho tất cả SV, giúp các em có khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết trong tình huống công việc, cuộc sống sau này.

2.3. *Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên*

Đào tạo theo tín chỉ đánh giá cả quá trình dạy học. Ngoài kiểm tra thường xuyên, SV phải thi kết thúc học phần, do đó GV cần quan tâm một số nội dung sau:

Trong dạy học, GV có thể linh hoạt đưa những câu hỏi tự luận ngắn, trắc nghiệm đầu giờ hoặc trong hoạt

động tổ chức tiếp nhận kiến thức (dạng trò chơi nhẹ nhàng) để kiểm tra việc chuẩn bị hoặc khả năng tiếp nhận bài của SV. GV cũng có thể nêu câu hỏi kiểm tra lúc cuối giờ nhằm củng cố nội dung của bài học hoặc có thể sử dụng kỹ thuật tia chớp, mạng nhện để test nhanh sau mỗi hoạt động, mỗi tiết học. Điều này giúp GV nắm được việc chuẩn bị và khả năng tiếp thu của SV.

Hiện nay, để phục vụ việc thi kết thúc học phần cho SV của trường, các tổ đã xây dựng ngân hàng đề thi. Hệ thống các câu hỏi trong ngân hàng bảo đảm các mức độ (theo thang mức độ của Bloom) nhưng cần tùy biến hơn để đáp ứng việc kiểm tra, đánh giá; có thể xây dựng đề thi hướng đến việc cập nhật kiến thức xã hội hoặc yêu cầu 4 mức độ thay vì 3 như trước đây. Vì vậy, GV có thể soạn các nội dung chi tiết hay tổng hợp hóa các câu hỏi để vận dụng vào từng đơn vị kiến thức, kỹ năng cho phù hợp. Bên cạnh các hình thức kiểm tra truyền thống, GV có thể định hướng SV tự học ở nhà, trên lớp theo nhóm, cá nhân hoặc yêu cầu, bắt buộc SV dựa vào các nội dung đã học để tạo ra sản phẩm, thay thế các hình thức kiểm tra thông thường.

2.3.1. *Cách ra đề và các loại đề hiện nay*

Trước đây và hiện nay, GV thường ra đề tự luận. Mỗi đề đều có một đối tượng xác định và một mệnh lệnh yêu cầu SV thực hiện trong bài. Ngày nay, trong dạy học nói chung và các môn khối xã hội nói riêng có khuynh hướng ra đề mở. Đề mở là loại đề có khả năng tạo không gian thông thoáng cho SV suy nghĩ. Đề nào cũng có tính hạn định nhưng đề mở có độ hạn định giảm thiểu để tạo khả năng cho SV lựa chọn; các em tự do chọn vấn đề và cách giải quyết vấn đề của mình. Các dạng đề mở (khối xã hội) thường gặp là dạng cho đề tài; tài liệu; điền vào chỗ trống; lựa chọn kết quả đọc hiểu... Đề mở có tác dụng cho SV được tự mình chủ động lựa chọn, gây hứng thú, phát huy sở trường và cá tính nhưng không có nghĩa là loại đề hạn định không còn ý nghĩa nữa. Loại đề này có tác dụng phát huy tư duy sáng tạo, phân hóa, khả năng ứng phó linh hoạt của SV.

2.3.2. *Ra đề kiểm tra*

Qua các buổi rút kinh nghiệm, đánh giá sau khi thi hằng năm, các tổ chuyên môn của Trường đã rút ra những kinh nghiệm riêng cho mình. Song, dưới cái nhìn tổng thể, bình diện cả tổ có thể tập trung:

- Từng bước thống nhất hình thức của đề, thời gian, số câu hỏi trong đề tự luận và trắc nghiệm khi có cùng tín chỉ. Tùy số câu, có thể lồng ghép các mức độ cho thích ứng, không máy móc phân lượng từng câu ứng với một mức.

- GV, tổ chuyên môn cần tính toán lựa chọn nội dung trọng tâm, cơ bản để kiểm tra, hạn chế đề kiểm tra dàn trải, yêu cầu nội dung quá rộng, SV khó đáp ứng trong học bài và thi cử.

- Nội dung kiểm tra cần hướng đến kiến thức cơ bản, trọng tâm và gắn phổ thông, cuộc sống, chú trọng thực hành vận dụng. Có thể có những phần “thoát ra” khỏi giáo trình, tài liệu để SV tư duy, phân tích, tổng hợp, bộc lộ chính kiến...

- Tăng cường ra các loại đề mở, khuyến khích nhiều cách giải, cách tiếp cận, trình bày vấn đề (chú trọng việc lập đáp án, biểu diễn linh hoạt, hợp lí). Có thể ra các nội dung phản đề để khuyến khích SV tư biện, tranh luận.

- Từng bước điều tra, nghiên cứu, thống kê chất lượng bài làm của SV thực hiện theo dạng đề nào thích hợp, tần số điểm cao nhiều hoặc ít để điều chỉnh, bổ sung.

2.4. Việc học tập của sinh viên

SV phải biết tích cực học tập, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Học phải suy luận; học mà không suy luận thì kiến thức không thể mở mang. Quan điểm này được Khổng Tử thể hiện rõ trong lời dạy sau: “*Kẻ nào chưa uất ức vì chưa hiểu được thì ta không gọi mở cho. Kẻ nào không hậm hực vì chưa thể nói ra được thì ta chẳng hướng dẫn cho nói. Kẻ đã được ta chỉ cho một góc (vuông) mà chẳng biết tự xét ba góc kia thì ta chẳng dạy nó nữa*”. Khái lược những điều trên để chúng ta thấy rằng trong nhà trường đại học, cao đẳng việc SV biết tự học đóng vai trò rất quan trọng. Đây là mấu chốt vấn đề trong học tập của SV.

SV cần xác định đúng động cơ, mục đích học tập để sau này hành nghề. Muốn hành nghề và được xã hội chấp nhận, SV phải hội tụ nhiều yếu tố nhưng phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn phải được đặt lên hàng đầu. Do đó, SV phải nhận thức đúng, đủ, chủ động trong việc hình thành năng lực chuyên môn. Trong trường đại học, cao đẳng, SV phải biết biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Đối với môn Ngữ văn, SV cần:

- Tăng cường đọc sách, giáo trình, tài liệu tham khảo. Biết phân tích, so sánh, nhận xét các loại giáo trình (GV định hướng, gợi ý) để có thể trình bày các luận điểm theo cách tiếp cận của cá nhân mình. Do đó, ngoài việc học tập trên lớp, SV phải xem thư viện, tài liệu tham khảo là người thầy thứ hai của mình. Để thực hiện được điều này GV là người định hướng, tổ chức, giao việc cho SV.

- Trong quá trình học tập, SV phải có ý thức tham gia làm bài tập lớn, các hoạt động khoa học khác để bước đầu làm quen với công tác nghiên cứu khoa học - một nhiệm vụ quan trọng sau này khi ra trường. SV phải thường xuyên trau dồi, tích lũy, rèn luyện các kĩ năng để hình thành năng lực sư phạm cần thiết. Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm phải được quan tâm và thực hiện trong suốt khoá học; SV cần tăng cường dự giờ phổ thông, soạn giảng ngoài giờ lên lớp cũng như rèn nghề ở các ngành mới...

- SV phải mạnh dạn đề xuất, nêu ý kiến thắc mắc về nội dung bài học, môn học với GV phụ trách hay tổ

chuyên môn, khoa... Có như vậy mới tạo được “tính dân chủ” trong dạy học. SV năm cuối cần mạnh dạn góp ý cho GV, tổ, khoa về hoạt động đào tạo để bản thân GV, tổ, khoa có thông tin, kịp thời bổ sung, điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của người học.

3. Kết luận

Tóm lại, hành trình dạy học hướng đến việc hình thành năng lực cho SV đang vận hành, tiếp ứng với việc thay đổi chương trình, sách giáo khoa phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 26/12/2018 của Bộ GD-ĐT. Có nhiều biện pháp để hình thành năng lực cho SV; song, với những đề xuất việc tổ chức dạy học và ra đề kiểm tra, đánh giá hướng đến hình thành năng lực cho SV các trường cao đẳng sư phạm nói chung và Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum nói riêng sẽ là một trong nhiều biện pháp hữu hiệu. Hi vọng rằng với sự nhiệt huyết của đội ngũ GV và cách thức tổ chức dạy học đã đề xuất sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Cường - Bernd Meier (2010). *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học phổ thông*. Bộ GD-ĐT - Dự án Phát triển giáo dục trung học phổ thông (LOAN No1979-VIE).
- [2] Bộ GD-ĐT (2015). *Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên*. Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo.
- [3] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại (Cơ sở đổi mới mục tiêu - nội dung và phương pháp dạy học)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Bùi Mạnh Hùng (2014). *Phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 56, tr 23-41.
- [5] Đỗ Ngọc Thống (2013). *Dạy học Ngữ văn trong nhà trường Việt Nam - hiện trạng, hướng phát triển và những vấn đề liên quan*. Kí yếu “Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam”, Bộ GD-ĐT, Huế.
- [6] Phan Trọng Ngọ (2000). *Vận dụng lí thuyết hoạt động trong dạy học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Lê Thị Ngọc Chi (2014). *Dạy học Làm văn ở trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực*. Kí yếu hội thảo khoa học “Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông”, tr 528-535. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.